

Bản án số: 49/2025/HNGĐ-ST

Ngày 29 – 8 – 2025

“V/v không công nhận vợ chồng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Hoàng Sơn

Ông Nguyễn Việt Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Xuân Thủy, là Thư ký viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Kim D, sinh năm 1994, số CCCD: 0961.....

Địa chỉ cư trú: khóm B, phường T, tỉnh Cà Mau (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Quý T, sinh năm 1978, số CCCD: 0960.....

Địa chỉ cư trú: khóm T, phường A, tỉnh Cà Mau (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trình bày của bà Phan Kim D trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân, bà và ông Huỳnh Quý T chung sống với nhau vào năm 2016, không đăng ký kết hôn vì trong thời gian chung sống bận nhiều việc nên không quan tâm đi đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống, bà và ông T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về kinh tế, tình cảm bị sút mẻ không thể hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung, bà và ông T có 03 con chung tên là Huỳnh Gia P, sinh ngày 06/01/2017, Huỳnh Gia H sinh ngày 18/7/2022 và Huỳnh Ngọc H1, sinh ngày 18/7/2022, hiện nay các con đang sống chung với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi cả ba con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, định kỳ cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, bà xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
Về nợ chung, bà xác định không có.

Tại bản tự khai và trình bày của ông Huỳnh Quý T trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về thời gian chung sống và không đăng ký kết hôn đúng như bà D trình bày. Mặc dù chung sống với nhau từ năm 2016 nhưng do bận công việc nên ông và bà D không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong thời gian chung sống, ông và bà D có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Nay bà D yêu cầu ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung, ông và bà D có 03 con chung tên là Huỳnh Gia P, sinh ngày 06/01/2017, Huỳnh Gia H sinh ngày 18/7/2022 và Huỳnh Ngọc H1, sinh ngày 18/7/2022, hiện nay các con đang sống chung với mẹ là bà D. Khi ly hôn, ông đồng ý giao cả ba con chung cho bà D trực tiếp nuôi, ông đồng ý cấp dưỡng cho mỗi con chung số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, định kỳ cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Ông có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, ông xác định để ông và bà D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, ông xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về hôn nhân: Bà Phan Kim D và ông Huỳnh Quý T chung sống với nhau từ năm 2016 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Vậy nên, mặc dù bà D và ông T đều xác định trong cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và yêu cầu chấm dứt mối quan hệ hôn nhân nhưng vì ông bà không đăng ký kết hôn nên căn cứ theo quy định tại Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ giữa bà D và ông T là vợ chồng.

[2] Về con chung: Ông bà có 03 con chung tên là Huỳnh Gia P, sinh ngày 06/01/2017, Huỳnh Gia H sinh ngày 18/7/2022 và Huỳnh Ngọc H1, sinh ngày 18/7/2022, hiện nay các con đang sống chung với bà D. Khi ly hôn, bà D và ông T đều thỏa thuận thống nhất, ông T giao cả ba con chung cho bà D trực tiếp nuôi, ông T cấp dưỡng nuôi mỗi con chung số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, định kỳ cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Xét đây là sự tự nguyện của các đương sự, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Bà D và ông T đều xác định để ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét;

[4] Về nợ chung: bà D và ông T xác định không có.

[5] Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 16, 53, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Không công nhận bà Phan Kim D và ông Huỳnh Quý T là vợ chồng.

2/ Về con chung: Buộc ông Huỳnh Quý T giao ba con chung tên là Huỳnh Gia P, sinh ngày 06/01/2017, Huỳnh Gia H sinh ngày 18/7/2022 và Huỳnh Ngọc H1, sinh ngày 18/7/2022 cho bà Phan Kim D trực tiếp nuôi. Ông T cấp dưỡng nuôi mỗi con chung số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, định kỳ cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp ông T không thực hiện cấp dưỡng nuôi con đúng như thỏa thuận nêu trên, thì kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông T còn phải chịu thêm khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

3/ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

4/ Về nợ chung: Không có.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ, bà Phan Kim D phải nộp. Ngày 14/8/2025, bà D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo lai thu số 0011948 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được đối trừ, bà D đã nộp đủ.

Về án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ, ông Huỳnh Quý T phải nộp. (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà D và ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Kim O

